TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản; đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Hiếu;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H , sinh năm: 1981, cư trú: Ấp Long Bào, xã Phước L, huyện C, tỉnh L (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Liên Thị Bạch T , sinh năm: 1954, cư trú: Ấp L , xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1993, cư trú: Khu phố 3, thị trấn Cần G, huyện C, tỉnh L.(vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Kim T, sinh năm: 1995, cư trú: Ấp L , xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Kim L, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp L , xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1982, cư trú: Ấp Long Bào, xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

3.5. Ông Nguyễn Kim N, sinh năm: 1988, cư trú: Ấp L , xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

3.6. Ông Nguyễn Kim T, sinh năm: 1985, cư trú: Ấp L , xã Phước L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

3.7. Bà Nguyễn Thị Kim L , sinh năm: 1992, cư trú: Ấp Đông Bình, xã Phước Vĩnh Đ, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết, Ông Nguyễn Minh H trình bày:

Vào ngày 22/10/2020, Ông H có cho Bà T vay số tiền là 231.670.000 đồng: Cụ thể lần đầu số tiền là 75.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà T ; lần hai là số tiền 156.670.000 đồng để Bà T đảm bảo thi hành án cho người khác tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Ông H xác định đối với hai lần vay, hai bên không có thời hạn vay, không thỏa thuận ngày trả. Do Ông H là con rể của Bà T nên hai bên không có lập văn bản chứng minh. Ông H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà T và ông Em đang đứng tên, giấy chứng nhận số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 vào thời điểm sau khi Ông H chuộc giấy ra. Ông H giữ bản chính giấy chứng minh nhân dân của Bà T là sau khi Bà T thực hiện xong nghĩa vụ thi hành bản án. Mục đích Ông H giữ những giấy tờ này để Bà T sang tên lại quyền sử dụng thửa đất cho vợ của ông. Nay đã quá 01 năm mà Bà T không trả nên Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, Ông Nguyễn Minh H yêu cầu Bà Liên Thị Bạch T trả số tiền vốn vay là 231.670.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền vốn trên với mức lãi suất 0.8%/tháng, tính từ ngày 22/11/2020 cho đến ngày 28/12/2021, tạm tính là 25.950.000 đồng. Số tiền này là tài sản chung của Ông H và vợ là Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1982.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Minh H yêu cầu Bà Liên Thị Bạch T trả số tiền vốn vay là 231.670.000 đồng, rút yêu cầu Bà T trả lãi.

Bà T yêu cầu Ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 và giấy chứng minh nhân dân của Bà T thì Ông H cho biết khi nào Bà T chuyển nhượng thì kêu Ông H đưa giấy ra để cho Bà T chuyển nhượng.

Bị đơn Bà Liên Thị Bạch T trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa là: Bà T và ông Nguyễn Văn Em là vợ chồng, ông bà có các người

con gồm: Nguyễn Thị Kim Luôn, Nguyễn Thị Kim Thúy và Nguyễn Thị Kim Thùy, Nguyễn Kim Tuyến, Nguyễn Kim Lân, Nguyễn Kim Nhanh và Nguyễn Kim Thư. Ông Em chết năm 2017. Bà T thừa nhận có nợ Ông H số tiền là 231.670.000 đồng, do là người thân trong gia đình nên Ông H tự nguyện cho Bà T mượn. Ông H đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 và giấy chứng minh nhân dân của Bà T . Bà T xác định bà đồng ý trả cho Ông H số tiền còn nợ là 231.670.000 đồng.

Bà T yêu cầu Ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho Bà T và ông Nguyễn Văn Em vào ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 và giấy chứng minh nhân dân của Bà T .

Ông Nguyễn Kim N trình bày: Ông Nguyễn Kim N là con ruột của Bà T và ông Em. Qua yêu cầu của Bà T buộc Ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho Bà T và ông Nguyễn Văn vào ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 thì ông thống nhất.

Bà Nguyễn Thị Kim L và Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt các bà T, bà L trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm

Ông Nguyễn Kim T, Ông Nguyễn Kim L và Ông Nguyễn Kim T trình bày các ông là con ruột của Bà T và ông Em. Qua yêu cầu của Bà T buộc Ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho Bà T và ông Nguyễn Văn Em vào ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 thì các ông thống nhất. Các ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Ông H và bà Thùy là vợ chồng. Tài sản mà Ông H cho Bà T vay là tài sản chung của bà Thùy và Ông H . Bà Thùy thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của Ông H . Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông H thì bà Thùy đồng ý để Tòa án tuyên Bà T trả cho một mình Ông H . Bà T yêu cầu Ông H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 và giấy chứng minh nhân dân của Bà T thì bà thống nhất với ý kiến Ông H là khi nào Bà T chuyển nhượng thì kêu Ông H đưa giấy ra để cho Bà T chuyển nhượng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Thùy trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cphát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh H về việc buộc Bà Liên Thị Bạch T trả tiền lãi chậm trả của số tiền vốn trên với mức lãi suất 0.8%/tháng, tính từ ngày 22/11/2020 cho đến ngày 28/12/2021 là 25.950.000 đồng.

Tại phiên tòa, Bà Liên Thị Bạch T thống nhất có mượn Ông Nguyễn Minh H số tiền là 231.670.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho Ông H số tiền 231.670.000 đồng. Ông Nguyễn Minh H khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh H , buộc Bà Liên Thị Bạch T trả cho Ông H số tiền là 231.670.000 đồng.

Ông H xác định việc giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân là để làm tin, khi nào Bà T chuyển nhượng đất thì Ông H đưa lại. Xét thấy việc giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân là trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ông Nguyễn Minh H trả lại cho Bà Liên Thị Bạch T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu phản tố của bị đơn; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phước L, huyện Cnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ctheo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Kim L , Bà Nguyễn Thị Kim T và Bà Nguyễn Thị Kim T, Ông Nguyễn Kim T, Ông Nguyễn Kim L và Ông Nguyễn Kim T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[1.3] Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Minh H rút yêu cầu Bà Liên Thị Bạch T trả lãi; xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa Ông Nguyễn Minh H và Bà Liên Thị Bạch T có xác lập hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận lãi suất, không kỳ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Tại phiên tòa, Bà Liên Thị Bạch T thống nhất có mượn Ông Nguyễn Minh H số tiền là 231.670.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho Ông H số tiền 231.670.000 đồng. Ông Nguyễn Minh H khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh H , buộc Bà Liên Thị Bạch T trả cho Ông H số tiền là 231.670.000 đồng.

[2.3] Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Bà T và ông Em đứng tên; bản chính giấy chứng minh nhân dân của Bà T mà Ông H đang giữ. Thấy rằng, Ông H xác định việc giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân là để làm tin, khi nào Bà T chuyển nhượng đất thì Ông H đưa lại. Hội đồng xét xử xét thấy việc giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân là trái pháp luật nên buộc Ông Nguyễn Minh H trả lại cho Bà Liên Thị Bạch T .

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

Bà T phải chịu án phí là 11.583.500 đồng, nhưng có được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 164, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh H về việc buộc Bà Liên Thị Bạch T trả tiền lãi chậm trả của số tiền vốn trên với mức lãi suất 0.8%/tháng, tính từ ngày 22/11/2020 cho đến ngày 28/12/2021 là 25.950.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Bà Liên Thị Bạch T .

Bà Liên Thị Bạch T có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Minh H số tiền là 231.670.000 đồng (hai trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm bảy mơi nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Liên Thị Bạch T về việc đòi Ông Nguyễn Minh H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân.

Buộc Ông Nguyễn Minh H trả lại bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 083832 đối với thửa 1415, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp L , xã Phước L, huyện Cần Giuộc, diện tích 253m^2 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho Bà Liên Thị Bạch T và ông Nguyễn Văn Em vào ngày 11/4/2016 số vào số CS 02388 và giấy chứng minh nhân dân do Công an tỉnh L cấp cho Bà Liên Thị Bạch T , số CMND 301454575.

4. Về án phí: Bà T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.440.500 đồng theo biên lai thu số 0013470 ngày 16/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh L.

5. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân